

# ẢNH HƯỞNG CỦA CHUẨN MỰC XÃ HỘI ĐẾN HÀNH VI TRỐN THUẾ DƯỚI GÓC NHÌN TÂM LÝ HỌC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH

TẠ THỊ THU HUẾ

Khoa Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn,  
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 12/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

## **Abstract**

*Modern tax administration practices show that enforcement measures and penalties are no longer the only, nor necessarily the most effective, tools for preventing tax fraud. Recent studies in behavioral economics and social psychology have demonstrated that individuals' decisions to comply with or evade taxes are strongly influenced by systems of social norms. This article analyzes the mechanisms through which descriptive norms and injunctive norms affect taxpayer psychology, and on that basis proposes several policy recommendations aimed at fostering a sustainable culture of compliance rather than one based solely on the fear of punishment.*

**Keywords:** Behavior, policy, psychology, recommendation, social norms, taxation.

## **1. Đặt vấn đề**

Thuế không chỉ là nguồn thu ngân sách mà còn là biểu tượng của sợi dây liên kết giữa cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên, tại sao trong cùng một hệ thống pháp luật, có những cá nhân tự nguyện đóng góp nhưng cũng có những người tìm mọi cách để lách luật? Câu trả lời nằm ở thế giới tâm lý phức tạp, nơi các chuẩn mực xã hội, những quy tắc không thành văn về hành vi “đúng” và “sai” trong cộng đồng đang âm thầm định hình thái độ của người nộp thuế. Bằng cách soi rọi hành vi trốn thuế dưới lăng kính tâm lý học, chúng ta có thể nhận diện được sức mạnh của áp lực đồng lứa và niềm tin vào sự công bằng xã hội. Dù các cơ quan quản lý không ngừng thắt chặt chế tài, hành vi trốn thuế vẫn diễn biến phức tạp với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây thất thoát lớn cho ngân sách quốc gia. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc phải tìm kiếm một hướng tiếp cận mới: Tâm lý học hành vi [2, tr. 10]. Một trong những yếu tố then chốt nhưng thường bị bỏ ngỏ trong hoạch định chính sách chính là sức ảnh hưởng của chuẩn mực xã hội. Liệu nhận thức “mọi người đều trốn thuế” có đang thúc đẩy hành vi vi phạm và làm thế nào để đảo ngược quy trình này? Bài viết đi sâu vào phân tích sự tác động của những chuẩn mực cộng đồng đến ý thức hệ của người nộp thuế, đồng thời đưa ra các kiến nghị chính sách mang tính “đòn bẩy tâm lý” để nâng cao tính tự nguyện tuân thủ pháp luật thuế tại Việt Nam hiện nay.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Vài nét về chuẩn mực xã hội**

Chuẩn mực xã hội là hệ thống những quy tắc, yêu cầu đòi hỏi của xã hội đối với mỗi cá nhân hay nhóm xã hội, trong đó xác định ít nhiều sự chính xác về tính chất, mức độ, phạm vi, giới hạn của cái có thể, cái được phép, cái không được phép hay cái bắt buộc phải thực hiện trong các hành vi xã hội của mỗi con người nhằm đảm bảo sự ổn định, giữ gìn trật tự, kỉ cương của xã hội [5, tr. 8].

Email: hueanh86@gmail.com

Nội dung khái niệm chuẩn mực xã hội đề cập đến ba vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, chuẩn mực xã hội là hệ thống những quy tắc, yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, do chính các thành viên của xã hội đặt ra nhằm áp đặt cho hành vi xã hội của mỗi người. Điều đó nói lên nguồn gốc xã hội của chuẩn mực xã hội, hình thành từ chính nhu cầu điều tiết điều chỉnh các mối quan hệ xã hội đa dạng, phức tạp của đời sống xã hội. Đối với các thành viên xã hội, chuẩn mực xã hội được coi là một giá trị chi phối rộng rãi và được tuân theo một cách phổ biến.

Thứ hai, chuẩn mực xã hội không phải là một cái gì đó chung chung, trừu tượng, khó nhận biết mà nó luôn được xác định một cách cụ thể, rõ ràng ở mức độ ít hay nhiều sự chính xác về tính chất, mức độ, phạm vi và giới hạn của những khía cạnh, chỉ báo liên quan đến hành vi xã hội của mỗi người [5, tr. 9]. Bao gồm cái có thể, cái được phép, cái không được phép hay cái bắt buộc phải thực hiện.

“Cái có thể” là khái niệm dùng để chỉ khả năng thực hiện hay không thực hiện một hành vi xã hội của cá nhân con người khi tham gia hoặc ở trong một tình huống, sự kiện xã hội, quan hệ xã hội nhất định. Chẳng hạn một người phát hiện một người khác có nguy cơ chết đuối nếu không được cứu kịp thời. Trong tình huống này, người phát hiện nhảy xuống hay không nhảy xuống phụ thuộc vào việc anh ta có biết bơi hay không biết bơi cùng với cơ chế thúc đẩy hành vi hoàn toàn trông chờ vào sự tự nguyện, tự giác của người đó.

“Cái được phép” dùng để chỉ tất cả mọi hành vi, hoạt động mà các cá nhân đã và đang được phép thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, phù hợp với những quy tắc, yêu cầu, đòi hỏi của chuẩn mực xã hội khi họ tham gia vào các sự kiện xã hội, quan hệ xã hội.

“Cái không được phép” là khái niệm chỉ tất cả những hành vi, hoạt động mà chuẩn mực xã hội cấm các cá nhân thực hiện, vì chúng gây ra hoặc có thể gây ra trạng thái nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến mọi quan hệ xã hội. Thông thường cái không được phép được nêu và quy định trong các chuẩn mực pháp luật.

“Cái bắt buộc phải thực hiện” là khái niệm chỉ tất cả những hành vi, hoạt động mà chuẩn mực xã hội buộc các cá nhân phải thực hiện, dù muốn hay không muốn, khi cá nhân tham gia hay đang ở trong một tình huống, sự kiện xã hội, quan hệ xã hội nhất định [3, tr. 12]. Khía cạnh này của hành vi thường được quy định trong pháp luật hình sự.

Thứ ba, với hệ thống các quy tắc, yêu cầu được đưa ra nhằm định hướng và điều chỉnh hành vi xã hội của con người, chuẩn mực xã hội hướng tới thực hiện nhiều chức năng xã hội, giảm bớt tính hỗn tạp trong mọi ý kiến, quan điểm đánh giá hành vi, gạt đi những bất đồng mâu thuẫn trong các tranh luận, tránh được những xung đột không cần thiết, tạo cơ sở cho quá trình hòa giải, thương lượng giữa các cá nhân để đi đến chấp nhận “mẫu số chung” nhỏ nhất của mọi hành vi. Thực hiện các chức năng đó chuẩn mực xã hội góp phần tạo nên sự đồng thuận, đảm bảo sự ổn định xã hội, giữ gìn và bảo vệ trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội [5, tr. 10].

## **2.2. Vài nét về hành vi trốn thuế**

Hành vi trốn thuế không chỉ là một vi phạm pháp luật về mặt kinh tế mà còn là một biểu hiện phức tạp của tâm lý học hành vi. Dưới góc độ cá nhân, đây thường là kết quả của sự xung đột giữa lợi ích ngắn hạn và trách nhiệm cộng đồng, nơi người nộp thuế cố tình sử dụng những thủ đoạn như khai khống chi phí, giấu bớt doanh thu hoặc thiết lập các giao dịch ảo để giảm thiểu nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên, sâu xa hơn, hành vi này bị chi phối bởi niềm tin vào sự công bằng và các chuẩn mực xã hội xung quanh. Nếu một cá nhân nhận thấy hệ thống quản lý thiếu minh bạch hoặc quan sát thấy những người khác cũng đang “lách luật” mà không bị trừng phạt, rào cản đạo đức trong họ sẽ dần xói mòn, biến việc trốn thuế từ một hành vi sai trái thành một “chiến lược sinh tồn” đầy toan tính.

Điều 143, Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định những hành vi trốn thuế như sau [6, tr. 52]: - Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế 2019; - Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến

việc xác định số tiền thuế phải nộp; - Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán; - Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp; - Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp; - Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan; - Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; - Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế; - Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế; - Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng, tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan quản lý thuế; - Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: + Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp; + Nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.

Hệ lụy của trốn thuế không chỉ dừng lại ở những con số thất thoát trong ngân sách quốc gia, mà còn gây ra sự bất công bằng trầm trọng trong kinh doanh, làm suy yếu nguồn lực dành cho giáo dục, y tế và hạ tầng công cộng. Khi niềm tin vào hợp đồng xã hội bị rạn nứt, nó tạo ra một vòng xoáy tiêu cực: nhà nước thiếu hụt ngân sách dẫn đến dịch vụ công kém hiệu quả và chính sự kém hiệu quả đó lại trở thành cái cớ để người dân tiếp tục trốn thuế. Do đó, việc ngăn chặn trốn thuế không thể chỉ dựa vào những chế tài xử phạt khô khan mà cần một chiến lược tổng thể nhằm minh bạch hóa chi tiêu công và xây dựng một chuẩn mực xã hội nơi sự trung thực được vinh danh và việc đóng góp cho cộng đồng trở thành một niềm tự hào tự thân.

### **2.3. Ảnh hưởng của chuẩn mực xã hội đến hành vi trốn thuế dưới góc nhìn tâm lý học**

Về cơ chế tác động của chuẩn mực xã hội đến hành vi trốn thuế: Trong tâm lý học xã hội, chuẩn mực được chia thành hai loại chính [7], cả hai đều có ảnh hưởng sâu sắc đến quyết định của cá nhân:

#### **2.3.1. Chuẩn mực mô tả “mọi người đang làm gì?”**

Chuẩn mực mô tả đóng vai trò như một tấm gương phản chiếu hành vi của số đông, trực tiếp định hình nhận thức của cá nhân thông qua câu hỏi: “Mọi người thực sự đang làm gì?”. Trong lĩnh vực thuế, nhận thức này tạo ra một hiệu ứng lây lan mạnh mẽ; khi một cá nhân tin rằng “ai cũng trốn thuế” hoặc chứng kiến những người giàu có, có tầm ảnh hưởng vẫn “lách luật” thành công, họ dễ dàng rơi vào cái bẫy tâm lý coi việc gian lận là một hành vi phổ biến và bình thường. Chính sự quan sát này dẫn đến sự xói mòn lòng tin vào tính công bằng của hệ thống. Khi sự thiếu trung thực được mặc định là một “luật chơi” chung, rào cản đạo đức và nỗi sợ vi phạm pháp luật sẽ bị hạ thấp, khiến cá nhân không còn cảm thấy tội lỗi khi trốn tránh nghĩa vụ, bởi họ tin rằng mình chỉ đang hành động giống như tất cả những người xung quanh.

#### **2.3.2. Chuẩn mực mệnh lệnh “mọi người nghĩ nên làm gì?”**

Trái ngược với chuẩn mực mô tả, chuẩn mực mệnh lệnh tập trung vào lăng kính đạo đức với câu hỏi cốt lõi: “Mọi người nghĩ chúng ta nên làm gì?”. Đây là hệ thống các quy tắc bất thành văn quyết định hành vi nào sẽ được xã hội tán thưởng hay bài trừ. Sức mạnh của chuẩn mực này nằm ở áp lực từ cộng đồng; nếu một xã hội xây dựng được nhận thức rằng trốn thuế là hành vi gian dối và đáng xấu hổ, cá nhân vi phạm sẽ phải đối mặt với sự kỳ thị từ những người xung quanh và nỗi giày vò từ cảm giác tội

lỗi. Ngược lại, khi có sự đồng thuận đạo đức chung rằng đóng thuế là “nghĩa vụ cao cả” để kiến thiết đất nước, cá nhân sẽ có xu hướng tuân thủ cao hơn. Việc thực hiện nghĩa vụ thuế lúc này không chỉ là tuân thủ pháp luật mà còn là cách để họ duy trì hình ảnh bản thân tích cực và khẳng định tư cách đạo đức trước cộng đồng.

### 2.3.3. Chuẩn mực bắt buộc “mọi người nghĩ gì về tôi”

Dưới góc nhìn tâm lý học hành vi, chuẩn mực bắt buộc đóng vai trò như một bộ lọc đạo đức, định hình hành vi đóng thuế thông qua câu hỏi tự vấn: “Xã hội sẽ nghĩ gì về tôi?”. Đây không chỉ là việc tuân thủ pháp luật mà là niềm tin sâu sắc của cá nhân về những giá trị mà cộng đồng chấp nhận hoặc bài trừ. Tại những xã hội có tính gắn kết và chuẩn mực đạo đức cao, hành vi trốn thuế thường bị gán nhãn là sự “ăn cắp” công quỹ, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi chung của đồng bào. Chính áp lực từ sự kỳ thị và nỗi sợ tổn hại danh tiếng tạo nên một rào cản tâm lý cực lớn; khi đó, cái giá của việc bị cộng đồng tẩy chay đôi khi còn nặng nề hơn cả các án phạt tài chính. Tuy nhiên, chuẩn mực này cũng có thể vận hành theo chiều hướng ngược lại thông qua sự đồng thuận ngầm. Nếu một môi trường xã hội coi việc “lách luật” hay “trốn thuế” là biểu hiện của sự thông minh, nhạy bén và là cách để bảo vệ tài sản cá nhân trước một hệ thống thiếu minh bạch thì chuẩn mực bắt buộc sẽ vô tình thúc đẩy hành vi sai lệch. Khi sự gian lận được tôn vinh như một kỹ năng sinh tồn, tiếng nói của lương tâm dễ dàng bị lấn át bởi sự cổ xúy từ đám đông, biến việc trốn thuế từ một lỗi lầm thành một “thành tích” ngầm trong mắt những người xung quanh.

Dưới góc độ tâm lý học hành vi, “Thuyết đồng nhất xã hội” cung cấp một cách lý giải sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến hành vi trốn thuế thông qua sợi dây liên kết giữa cá nhân và nhóm. Thuyết này cho rằng mỗi người không chỉ hành động với tư cách cá nhân đơn lẻ mà luôn có xu hướng điều chỉnh hành vi theo các giá trị và quy tắc của nhóm mà họ thuộc về để tìm kiếm sự thừa nhận. Chẳng hạn, nếu một doanh nhân sinh hoạt trong một cộng đồng coi việc “lách luật” hay “tối ưu thuế” bằng mọi giá là biểu hiện của sự thông minh và nhạy bén kinh doanh, họ sẽ có xu hướng trốn thuế như một cách để khẳng định vị thế và chứng minh bản thân hoàn toàn đồng nhất với các tiêu chuẩn của nhóm đó. Trong bối cảnh này, hành vi vi phạm không còn bị coi là sai trái dưới con mắt của cá nhân mà trở thành một loại “ngôn ngữ chung” để duy trì bản sắc và uy tín trong mạng lưới xã hội mà họ đang gắn bó.

Lý thuyết về “Công bằng tương hỗ” khẳng định rằng hành vi nộp thuế không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là một “hợp đồng tâm lý” giữa công dân và quốc gia, nơi niềm tin vào sự công bằng đóng vai trò quyết định. Theo đó, sự tự nguyện tuân thủ của người dân chỉ được duy trì bền vững khi họ nhận diện được hai khía cạnh của công bằng: Công bằng theo chiều ngang, tức là niềm tin rằng những người có cùng mức thu nhập và hoàn cảnh như mình cũng đang thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ và công bằng theo chiều dọc, khi họ thấy chính phủ sử dụng tiền thuế một cách minh bạch, hiệu quả để tái đầu tư vào các công trình công cộng như trường học, bệnh viện và hạ tầng. Khi các điều kiện này được đáp ứng, cá nhân sẽ nộp thuế như một cách đáp lại những lợi ích xã hội mà họ nhận được. Ngược lại, nếu người dân chứng kiến tình trạng tham nhũng, lãng phí hoặc cảm thấy gánh nặng thuế bị phân bổ bất công, chuẩn mực đạo đức sẽ nhanh chóng bị phá vỡ. Lúc này, việc trốn thuế không còn đơn thuần là gian lận mà trở thành một tâm lý “trả đũa” để thiết lập lại sự công bằng mà họ cho rằng mình đã đánh mất.

### 2.4. Một số kiến nghị về chính sách

Từ những phân tích về ảnh hưởng sâu sắc của chuẩn mực xã hội đến hành vi trốn thuế dưới góc nhìn tâm lý học, chúng tôi đề xuất một hệ thống kiến nghị về chính sách mang tính “đòn bẩy hành vi” nhằm thay đổi ý thức từ gốc rễ. Thay vì chỉ đơn thuần thắt chặt những biện pháp cưỡng chế tài chính, chính phủ nên tập trung vào việc kiến tạo và củng cố các chuẩn mực xã hội tích cực thông qua 5 nhóm giải pháp chiến lược:

- Ứng dụng “cú hích” truyền thông: cơ quan thuế cần thay đổi thông điệp từ việc “đe dọa trừng phạt” sang nhấn mạnh vào “sự tuân thủ của số đông”. Việc công khai các số liệu cho thấy đại đa số công dân trong cộng đồng đã hoàn thành nghĩa vụ sẽ tạo ra chuẩn mực mô tả tích cực, thúc đẩy những cá nhân còn lại hành động theo đám đông.

- Minh bạch hóa giá trị tương hỗ: cần cụ thể hóa quyền lợi của người nộp thuế bằng cách công khai chi tiết việc sử dụng ngân sách vào các dự án an sinh xã hội tại địa phương. Khi người dân nhìn thấy “tiền thuế đi vào cuộc sống” thông qua những công trình trường học, bệnh viện cụ thể, niềm tin vào sự công bằng tương hỗ sẽ được củng cố, làm giảm tâm lý “trả đũa” bằng cách trốn thuế.

- Xây dựng hệ thống vinh danh và đặc quyền: thiết lập các chuẩn mực mệnh lệnh bằng cách tôn vinh những cá nhân, doanh nghiệp tuân thủ tốt. Việc tạo ra các “luồng xanh” ưu tiên trong thủ tục hành chính cho người nộp thuế trung thực sẽ giúp họ duy trì hình ảnh bản thân tích cực và nhận được sự nể trọng từ cộng đồng.

- Giáo dục chuẩn mực từ sớm: Tích hợp nội dung về đạo đức thuế và trách nhiệm công dân vào chương trình giáo dục phổ thông để hình thành chuẩn mực nội tại ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, giúp thế hệ tương lai coi việc nộp thuế là một giá trị đạo đức tự thân thay vì một nghĩa vụ cưỡng ép.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính: Tâm lý học hành vi chỉ ra rằng con người dễ bỏ cuộc hoặc gian lận khi đối mặt với sự phức tạp. Một hệ thống thuế đơn giản, dễ hiểu sẽ giảm thiểu “chi phí tâm lý”, khiến việc tuân thủ trở thành lựa chọn dễ dàng nhất [8, tr. 5].

### 3. Kết luận

Như vậy, hành vi trốn thuế không chỉ đơn thuần là một bài toán kinh tế về lợi ích cá nhân mà còn là hệ quả phức tạp của các tương tác tâm lý và chuẩn mực xã hội. Thông qua lăng kính tâm lý học, chúng ta nhận thấy rằng khi chuẩn mực mô tả bị lệch lạc và chuẩn mực mệnh lệnh thiếu đi sức mạnh gắn kết, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân sẽ dễ dàng bị lung lay. Tuy nhiên, nếu chính phủ biết tận dụng sức mạnh của sự công bằng tương hỗ và các cú hích tâm lý phù hợp, việc nộp thuế sẽ không còn bị xem là gánh nặng cưỡng ép mà trở thành một hành động tự nguyện để khẳng định giá trị cá nhân cùng với sự gắn kết cộng đồng. Việc chuyển dịch từ tư duy quản lý dựa trên sự răn đe sang xây dựng một “hệ sinh thái tuân thủ” dựa trên niềm tin và chuẩn mực đạo đức là chìa khóa để giải quyết triệt để vấn đề thất thu ngân sách. Các kiến nghị về chính sách được đề xuất không chỉ hướng tới mục tiêu thu đúng, thu đủ mà quan trọng hơn là để kiến tạo một xã hội minh bạch, nơi mỗi đồng thuế đóng góp đều được trân trọng và sử dụng hiệu quả. Cuối cùng, một nền kinh tế vững mạnh chỉ có thể được xây dựng trên nền tảng của một cộng đồng có trách nhiệm, nơi sự trung thực về tài chính trở thành một chuẩn mực văn hóa bất biến.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Thị Hồng Vân, Đỗ Thanh Long (2023). *Hiệu quả của chuẩn mực xã hội trong việc thúc đẩy hành vi mua xăng sinh học: Vai trò trung gian của niềm tin*. Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, 3(3), 1-11. <https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2023.vn.3.3.1-11>.
- [2] Học viện Cảnh sát nhân dân (2023). *Giáo trình Tâm lý học đại cương* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- [3] Lam Hoàng (2025). *Chuẩn mực xã hội - một cách tiếp cận từ bản thể luận*. NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Chí Bền (2016). *Chuẩn mực đạo đức và xây dựng, phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ mới*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 32, số 15, tr. 100-109.
- [5] Ngô Văn Nhân (2022). *Giáo trình Xã hội học pháp luật*. Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [6] Quốc hội (2019). *Luật Quản lý thuế (Luật số 38/2019/QH14)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [7] Trường Đại học Luật Hà Nội (2010). *Tập bài giảng Xã hội học*. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [8] Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn Quân sự (2006). *Chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam hiện nay*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.